

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
-----------------------------	------------	---------------------------

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
	Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
	Ông Võ Hiến	Thành viên
	Ông Tề Trí Dũng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Lê Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

Trụ sở đăng ký	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 51 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 51. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-325



Chang Hùng Chấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Lê Đức Phong
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		106.291.440.413	168.108.111.315
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.455.549.627	10.048.378.526
Tiền	111		4.455.549.627	9.598.378.526
Các khoản tương đương tiền	112		-	450.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	12.880.000.000	31.174.899.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		54.800.000.000	65.730.739.308
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(41.920.000.000)	(34.555.840.308)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	84.755.837.466	111.854.016.382
Phải thu khách hàng	131		14.296.090.285	11.413.308.057
Trả trước cho người bán	132		20.750.113.731	40.631.312.832
Các khoản phải thu khác	135		49.709.633.450	59.809.395.493
Hàng tồn kho	140	7	106.619.587	10.030.892.733
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.093.433.733	4.999.924.674
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.916.671	108.636.367
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		917.360.319	1.092.864.564
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.168.156.743	3.798.423.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.286.666.428.487	1.352.903.828.290
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	62.845.621.247	43.064.994.071
Phải thu dài hạn khác	218		62.845.621.247	43.064.994.071
Tài sản cố định	220		539.390.473.363	491.961.809.424
Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.106.895.739	3.914.990.931
Nguyên giá	222		10.843.930.349	11.376.771.945
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.737.034.610)	(7.461.781.014)
Tài sản cố định vô hình	227	9	43.961.077.356	44.747.675.028
Nguyên giá	228		47.084.099.490	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.123.022.134)	(2.336.424.462)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	492.322.500.268	443.299.143.465
Bất động sản đầu tư	240	11	185.143.232.657	192.660.607.952
Nguyên giá	241		224.224.251.966	224.224.251.966
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(39.081.019.309)	(31.563.644.014)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	493.817.114.738	616.331.064.926
Đầu tư vào công ty con	251		157.072.107.279	128.263.107.279
Đầu tư vào công ty liên kết	252		58.230.309.000	141.080.309.000
Đầu tư dài hạn khác	258		303.954.496.328	371.311.265.631
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(25.439.797.869)	(24.323.616.984)
Tài sản dài hạn khác	260		5.469.986.482	8.885.351.917
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.791.093.605
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	4.259.486.482	5.163.758.312
Tài sản dài hạn khác	268		1.210.500.000	1.930.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.392.957.868.900	1.521.011.939.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		738.251.609.891	870.823.688.655
Nợ ngắn hạn	310		352.884.769.949	460.063.931.289
Vay ngắn hạn	311	14	93.686.173.330	235.127.329.526
Phải trả người bán	312		10.232.605.647	4.959.773.687
Người mua trả tiền trước	313		34.993.474.130	44.268.042.953
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	21.282.623.305	9.974.381.188
Phải trả người lao động	315		28.015.582.862	29.864.621.225
Chi phí phải trả	316	16	15.289.381.947	5.511.571.652
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	144.919.337.824	126.244.948.661
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	4.465.590.904	4.113.262.397
Nợ dài hạn	330		385.366.839.942	410.759.757.366
Phải trả dài hạn khác	333	19	114.501.317.327	111.707.395.567
Vay dài hạn	334	20	214.459.700.672	194.281.092.890
Doanh thu chưa thực hiện	338	21	56.405.821.943	104.771.268.909
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		654.706.259.009	650.188.250.950
Vốn chủ sở hữu	410	22	654.706.259.009	650.188.250.950
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
Lợi nhuận chưa phân phối	420		63.437.841.258	58.919.833.199
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.392.957.868.900	1.521.011.939.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ trong tiền:		
USD	681	703
EUR	-	5

ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

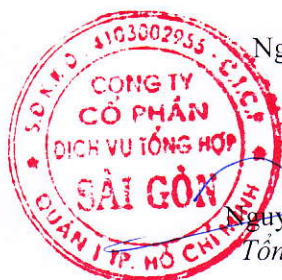
Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	24	91.934.395.742	140.176.007.609
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(96.464.520)	(90.679.715)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	24	91.837.931.222	140.085.327.894
Giá vốn hàng bán	11	25	(49.160.637.023)	(93.939.257.096)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		42.677.294.199	46.146.070.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	47.829.155.885	73.617.980.990
Chi phí tài chính	22	27	(99.653.967.010)	(84.203.213.243)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(67.469.727.289)	(76.549.443.949)
Chi phí bán hàng	24		(1.045.665.276)	(3.035.294.894)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(39.929.137.547)	(31.817.075.018)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		(50.122.319.749)	708.468.633
Thu nhập khác	31	28	116.302.234.120	49.573.994.078
Chi phí khác	32		(3.185.024.906)	(917.886.917)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		113.117.209.214	48.656.107.161
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.994.889.465	49.364.575.794
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	(8.127.773.455)	(5.173.950.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	(904.271.830)	(6.607.942.788)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		53.962.844.180	37.582.683.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.161	1.505

ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		62.994.889.465	49.364.575.794
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		9.213.303.085	10.228.514.797
Các khoản dự phòng	03		8.480.340.577	1.085.217.937
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(3.957.948.227)	-
Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết	05		-	(20.695.800.000)
Thu cổ tức và nhập lãi tiền gửi	05		(26.980.505.563)	(39.516.115.567)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	05		13.116.458.898	(7.654.448.170)
Chi phí lãi vay	06		67.469.727.289	76.549.443.949
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		130.336.265.524	69.361.388.740
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		86.947.027.411	36.486.177.477
Biến động hàng tồn kho	10		9.924.273.146	(4.970.561.570)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(107.140.167.972)	45.981.296.874
			120.067.398.109	146.858.301.521
Tiền lãi vay đã trả	13		(67.920.505.208)	(75.635.108.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13		(1.017.236.047)	(5.358.816.548)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.205.939.794)	(8.592.341.506)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.923.717.060	57.272.034.744

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.721.555.999)	(153.716.937.698)
Biến động tài sản dài hạn khác			720.000.000	593.000.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	22		152.339.211.000	48.454.142.290
Tiền thu từ thanh lý tài sản	22		12.996.394.441	-
Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết	23		-	105.202.800.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(28.809.000.000)	(27.639.251.074)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		27.684.213.513	37.713.297.497
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		110.209.262.955	10.607.051.015

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		277.636.800.034	291.919.108.626
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(398.899.348.448)	(326.053.907.789)
Tiền trả cổ tức	36		(37.463.260.500)	(37.436.928.000)
Lưu chuyển tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		(158.725.808.914)	(71.571.727.163)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(5.592.828.899)	(3.692.641.404)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		10.048.378.526	13.741.019.930
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	4.455.549.627	10.048.378.526

ngày 18 tháng 3 năm 2013

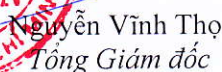
Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng và tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 86 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 134 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 18 – 50 năm |
| ▪ nhà cửa | 5 – 36 năm |

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(p) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) *Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	843.102.398	830.115.739
Tiền gửi ngân hàng	3.612.447.229	8.768.262.787
Các khoản tương đương tiền	-	450.000.000
	4.455.549.627	10.048.378.526

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Cổ phiếu niêm yết	31.500.000.000	42.430.739.308
• Cổ phiếu OTC	23.300.000.000	23.300.000.000
	54.800.000.000	65.730.739.308
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(41.920.000.000)	(34.555.840.308)
	12.880.000.000	31.174.899.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào các cổ phiếu sau:

	31/12/2012	
	Số lượng	Số lượng
Công cụ vốn – đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông	2.400.000	31.500.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Xuất Nhập Khẩu Số 2	500.000	14.000.000.000
- Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
- Công ty Cổ phần Merufa	110.000	3.000.000.000
	3.190.000	54.800.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	34.555.840.308	12.963.221.528
Tăng dự phòng trong năm	15.940.000.000	11.452.618.780
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	10.140.000.000
Hoàn nhập	(8.575.840.308)	-
Số dư cuối năm	41.920.000.000	34.555.840.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 12.880 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 26.660 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 6.057 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.206 triệu VND) phải thu từ các bên liên quan.

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 6.981 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.754 triệu VND).

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 70.839 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 40.385 triệu VND).

7. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vật tư	17.925.295	68.774.902
Hàng hóa	88.694.292	9.962.117.831
	106.619.587	10.030.892.733

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.030.443.103	3.407.175.048	2.939.153.794	11.376.771.945
Tăng trong năm	-	305.950.272	-	305.950.272
Thanh lý	-	(677.687.132)	(161.104.736)	(838.791.868)
Số dư cuối năm	5.030.443.103	3.035.438.188	2.778.049.058	10.843.930.349
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.081.235.949	2.072.463.964	2.308.081.101	7.461.781.014
Khấu hao trong năm	213.858.276	475.037.851	220.433.991	909.330.118
Thanh lý	-	(472.971.786)	(161.104.736)	(634.076.522)
Số dư cuối năm	3.295.094.225	2.074.530.029	2.367.410.356	7.737.034.610
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.949.207.154	1.334.711.084	631.072.693	3.914.990.931
Số dư cuối năm	1.735.348.878	960.908.159	410.638.702	3.106.895.739

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 3.121 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.096 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.640 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.796 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	14.634.054.300	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	2.191.134.462	145.290.000	2.336.424.462
Khấu hao trong năm	-	641.307.672	145.290.000	786.597.672
Số dư cuối năm	-	2.832.442.134	290.580.000	3.123.022.134
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	29.823.040.728	290.580.000	44.747.675.028
Số dư cuối năm	14.634.054.300	29.181.733.056	145.290.000	43.961.077.356

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 29.182 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 44.457 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	443.299.143.465	344.762.062.959
Tăng trong năm	56.206.699.332	114.072.049.783
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.183.342.529)	(15.534.969.277)
Số dư cuối năm	492.322.500.268	443.299.143.465

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 81.978 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 144.312 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 20.870 triệu VND (2011: 17.015 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	132.036.608.908	92.187.643.058	224.224.251.966
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.183.342.529	-	7.183.342.529
Thanh lý	(7.183.342.529)	-	(7.183.342.529)
Số dư cuối năm	132.036.608.908	92.187.643.058	224.224.251.966
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.788.997.145	25.774.646.869	31.563.644.014
Khấu hao trong năm	4.237.389.780	3.279.985.515	7.517.375.295
Số dư cuối năm	10.026.386.925	29.054.632.384	39,081,019,309
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	126.247.611.763	66.412.996.189	192.660.607.952
Số dư cuối năm	122.010.221.983	63.133.010.674	185.143.232.657

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 10.345 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.198 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 106.523 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 72.595 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
• Các công ty con	157.072.107.279	128.263.107.279
• Các công ty liên kết	58.230.309.000	141.080.309.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	303.954.496.328	371.311.265.631
	519.256.912.607	640.654.681.910
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(25.439.797.869)	(24.323.616.984)
	493.817.114.738	616.331.064.926

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và chưa được niêm yết) với giá trị ghi sổ là 37.605 triệu VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 37.092 triệu VND. Phần còn lại của đầu tư dài hạn thể hiện đầu tư của Công ty vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	24.323.616.984	44.831.017.827
Phân loại sang dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(10.140.000.000)
Tăng dự phòng trong năm	13.198.161.992	-
Hoàn nhập	(12.081.981.107)	(10.367.400.843)
Số dư cuối năm	25.439.797.869	24.323.616.984

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 16.798 triệu VND và các khoản đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ là 13.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: lần lượt là 16.798 triệu VND và 123.848 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2000, được điều chỉnh ngày 5 tháng 3 năm 2003, ngày 22 tháng 10 năm 2003, ngày 26 tháng 4 năm 2005 và ngày 9 tháng 10 năm 2010.	52,05%	33.312.000.000	8.328.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 5 tháng 12 năm 2011.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009 và được điều chỉnh ngày 2 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006 và được điều chỉnh ngày 23 tháng 6 năm 2011.	63,64%	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 10 năm 2009.	70%	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn (HYUNDAI)	Kinh doanh và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng thay thế; kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi; cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô, vận chuyển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 9 tháng 9 năm 2009.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Xây dựng các công trình dân dụng, các dự án công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	99%	3.026.885.279	3.026.885.279
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1500764333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 12 năm 2011.	51%	2.295.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801231071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 13 tháng 1 năm 2012.	51%	1.530.000.000	-
				157.072.107.279	128.263.107.279

Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	3.221.600.000	3.221.600.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	16.798.709.000	16.798.709.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	2.940.000.000	2.940.000.000
Công ty TNHH Savico- Vinaland (*)	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp văn phòng cho thuê và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	25%	-	82.850.000.000
				58.230.309.000	141.080.309.000

(*) Trong năm, Công ty phân loại lại đầu tư vốn dài hạn tại Savico-Vinaland Co, Ltd, một công ty liên kết sang đầu tư dài hạn khác. Công ty đã ký một thỏa thuận trong đó Công ty sẽ nhận được một khoản thu nhập cố định từ đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lỗi tính thuế mang sang	-	4.858.317.540
Chi phí phải trả	4.259.486.482	305.440.772
	4.259.486.482	5.163.758.312

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	73.336.389.502	212.619.631.526
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 20)	20.349.783.828	22.507.698.000
	93.686.173.330	235.127.329.526

Vay ngắn hạn được đảm bảo bởi đầu tư ngắn hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ lần lượt là 12.880 triệu VND, 16.798 triệu VND và 13.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: được đảm bảo bằng đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định vô hình, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ lần lượt là 26.660 triệu VND, 14.634 triệu VND, 16.798 triệu VND và 63.722 triệu VND).

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 13% đến 15% (2011: từ 14% đến 23%) một năm.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	23.473.508	30.499.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.984.487.408	4.873.950.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.376.725.865	809.968.110
Các khoản phải nộp khác	7.897.936.524	4.259.964.043
	21.282.623.305	9.974.381.188

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay	4.062.359.218	4.513.137.137
Chi phí thuê	2.242.277.729	667.117.515
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.984.745.000	331.317.000
	15.289.381.947	5.511.571.652

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ tức phải trả	353.093.225	450.797.700
Phải trả cho các bên liên quan (a)	79.385.775.020	65.017.842.614
Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)	28.734.520.722	43.944.471.342
Trả thay các bên liên quan	11.916.813.137	12.682.992.137
Hỗ trợ tài chính phải trả cho một khách hàng do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	5.856.400.000	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn nhận được cho Dự án Dân cư Tam Bình	15.758.850.000	-
Khác	2.913.885.720	4.148.844.868
	144.919.337.824	126.244.948.661

- a. Phải trả cho các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 835 triệu VND không chịu lãi và 78.551 triệu VND chịu lãi suất từ 12,5% đến 18,5% một năm (2011: từ 16% đến 20,5%) một năm.
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chịu lãi suất từ 3% đến 18% một năm (2011: từ 3% đến 20% một năm).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biên động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.113.262.397	4.635.119.545
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	8.558.268.301	5.542.477.453
Sử dụng quỹ trong năm	(8.205.939.794)	(6.064.334.601)
Số dư cuối năm	4.465.590.904	4.113.262.397

19. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	12.628.622.829	11.701.852.154
Phải trả dài hạn khác	101.872.694.498	100.005.543.413
	114.501.317.327	111.707.395.567

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn của các đối tác tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty và không chịu lãi.

20. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn		
• Vay dài hạn có đảm bảo	134.809.484.500	99.288.790.890
• Vay dài hạn không có đảm bảo	-	17.500.000.000
	134.809.484.500	116.788.790.890
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
	234.809.484.500	216.788.790.890
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 14)	(20.349.783.828)	(22.507.698.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	214.459.700.672	194.281.092.890

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị ghi sổ là 144.223 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 248.526 triệu VND).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất từ 14,5% đến 16,6% (2011: từ 16,8% đến 24,5%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 75.100 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 60.126 triệu VND), và chịu lãi suất là 15% một năm (2011: 19% một năm).

21. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Doanh thu chưa thực hiện từ việc thuê đất của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	55.713.333.316	56.933.333.320
Doanh thu từ Dự án Savico-Vinaland thể hiện chênh lệch trên đánh giá quyền khai thác dự án	-	47.046.852.000
Khác	692.488.627	791.083.589
	56.405.821.943	104.771.268.909

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	645.651.559.302
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	37.582.683.006	37.582.683.006
Trích các quỹ	-	-	-	-	4.988.229.708	(4.988.229.708)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.542.477.453)	(5.542.477.453)
Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(2.262.462.404)	2.262.462.404	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.528.006.905)	(2.528.006.905)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	58.919.833.199	650.188.250.950
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	53.962.844.180	53.962.844.180
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.558.268.301)	(8.558.268.301)
Cổ tức (thuyết minh số 33)	-	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.423.307.320)	(3.423.307.320)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	63.437.841.258	654.706.259.009

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	17.999.109.321	75.650.072.555
• Dịch vụ	62.589.280.319	64.525.935.054
• Doanh thu từ bất động sản	11.346.006.102	-
	91.934.395.742	140.176.007.609
Các khoản giảm trừ doanh thu	(96.464.520)	(90.679.715)
Doanh thu thuần	91.837.931.222	140.085.327.894

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Hàng hóa đã bán	15.336.381.798	69.865.051.980
Dịch vụ đã cung cấp	19.123.537.401	15.939.151.671
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	7.517.375.295	8.135.053.445
Giá vốn bất động sản	7.183.342.529	-
	49.160.637.023	93.939.257.096

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	206.584.132	1.059.306.450
Thu nhập từ thanh khoản chứng khoán	6.890.172.740	13.404.147.750
Thu nhập từ các khoản đầu tư khác	8.674.580.114	20.695.800.000
Cổ tức	26.773.921.431	38.456.809.117
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.592.111.357	1.917.673
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.691.786.111	-
	47.829.155.885	73.617.980.990

27. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	67.469.727.289	76.549.443.949
Lỗ từ thanh khoản chứng khoán	20.006.631.638	5.749.699.580
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	8.480.340.577	1.085.217.937
Chi phí thanh khoản chứng khoán	2.690.831.840	280.344.246
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.006.435.666	538.507.531
	99.653.967.010	84.203.213.243

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập từ Dự án Savico-Vinaland (*)	47.046.852.000	47.228.238.000
Hỗ trợ từ Vinaland Investments Limited trong thời gian xây dựng Dự án Savico-Vinaland	36.930.300.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.650.388.339	-
Thu nhập từ khách hàng do vi phạm hợp đồng (**)	30.000.000.000	-
Khác	674.693.781	2.345.756.078
	116.302.234.120	49.573.994.078

(*) Thu nhập này liên quan đến thu nhập do đánh giá lại quyền phát triển dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH Savico-Vinaland, một công ty liên kết, như một phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết.

(**) Thu nhập này thể hiện tiền bồi thường do lỗi vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Dự án Quốc Lộ 13, tại Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức ngày 11 tháng 10 năm 2011. Khoản bồi thường này đã được thống nhất theo biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 23 tháng 5 năm 2012 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	10.610.317.779	5.173.950.000
Dự phòng thừa trong những năm trước	(2.482.544.324)	-
	8.127.773.455	5.173.950.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(4.259.486.482)	(7.520.992.886)
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	305.440.772	8.101.829.354
Lợi ích của lỗ tính thuế được sử dụng/(ghi nhận)	3.476.940.507	(1.188.445.794)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.381.377.033	7.215.552.114
	904.271.830	6.607.942.788
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.032.045.285	11.781.892.788

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	62.994.889.465	49.364.575.794
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	15.748.722.366	12.341.143.949
Ưu đãi thuế	-	(3.714.889.788)
Chi phí không khấu trừ thuế	1.077.970.568	747.187.653
Thu nhập không chịu thuế	(6.693.480.358)	(4.807.101.140)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.381.377.033	7.215.552.114
Dự phòng thừa trong những năm trước	(2.482.544.324)	-
	9.032.045.285	11.781.892.788

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	53.962.844.180	37.582.683.006

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2012 Số lượng cổ phiếu	2011 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm và cuối năm	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	3.612.447.229	9.218.262.787
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(iii)	126.851.344.982	114.287.697.621
		130.463.792.211	123.505.960.408

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục giao dịch. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong hạn	117.131.242.353	109.556.304.625
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	39.640.000
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	9.720.102.629	4.691.752.996
	126.851.344.982	114.287.697.621

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	155.151.943.471	157.927.860.138	157.927.860.138	-	-	-
Vay ngắn hạn	93.686.173.330	98.762.961.234	98.762.961.234	-	-	-
Phải trả người lao động	28.015.582.862	28.015.582.862	28.015.582.862	-	-	-
Chi phí phải trả	15.289.381.947	15.289.381.947	15.289.381.947	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	138.541.666.666	15.208.333.333	15.208.333.333	108.125.000.000	-
Vay dài hạn	114.459.700.672	187.157.221.996	19.423.423.265	38.928.183.185	94.556.928.004	34.248.687.542
Phải trả dài hạn dài hạn khác	114.501.317.327	114.501.317.327	61.209.517.434	12.628.622.829	-	40.663.177.064
	621.104.099.609	740.195.992.170	395.837.060.213	66.765.139.347	202.681.928.004	74.911.864.606

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	131.204.722.348	137.436.201.800	137.436.201.800	-	-	-
Vay ngắn hạn	212.619.631.526	221.350.128.452	221.350.128.452	-	-	-
Phải trả người lao động	29.864.621.225	29.864.621.225	29.864.621.225	-	-	-
Chi phí phải trả	5.511.571.652	5.511.571.652	5.511.571.652	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	167.150.684.932	19.000.000.000	19.000.000.000	129.150.684.932	-
Vay dài hạn	116.788.790.890	199.225.310.956	48.006.116.112	39.894.717.259	78.770.476.085	32.554.001.500
Phải trả dài hạn dài hạn khác	111.707.395.567	111.707.395.567	62.080.628.506	11.701.852.154	-	37.924.914.907
	707.696.733.208	872.245.914.584	523.249.267.747	70.596.569.413	207.921.161.017	70.478.916.407

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tiền	681	703
Các khoản phải thu khác	1.767.000	2.730.000
Phải trả dài hạn khác	(353.300)	(1.263.300)
	1.414.381	1.467.403

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1USD	20.815	20.828

Tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(95.746.177.972)	(99.314.174.277)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	3.612.447.229	9.218.262.787
Vay ngắn hạn	(93.686.173.330)	(235.127.329.526)
Vay dài hạn	(114.459.700.672)	(94.281.092.890)
Trái phiếu dài hạn phát hành	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	(304.533.426.773)	(420.190.159.629)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty giảm đi 1.873 triệu VND (2011: 2.078 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biên số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) *Giá trị hợp lý*

(i) *So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính ngắn hạn không khác biệt nhiều so với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của trái phiếu dài hạn và vay dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 không khác biệt nhiều với giá trị ghi sổ.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản phải trả dài hạn khác nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

**2012
VND**

Tái đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô) bằng cổ tức được chia

8.328.000.000

33. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 6 tháng 4 năm 2012 đã quyết định chia cổ tức của năm 2011 là 37.463 triệu VND, bằng 15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2012 VND	2011 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.526.000.000	3.234.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	828.000.000	970.857.000
Thành viên Ban Kiểm soát	120.000.000	126.000.000
	3.474.000.000	4.330.857.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Công ty con	Trả tiền trước để mua hàng hóa	-	19.300.000.000
		Vay từ công ty con	25.000.000.000	12.500.000.000
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	300.868.749	35.186.667
		Chi phí lãi vay	279.300.000	-
		Cổ tức	440.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức	700.000.000	1.750.000.000
		Bán hàng hóa cho công ty con	-	49.401.422
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	3.086.017.185	2.809.744.344
		Cổ tức	8.328.000.000	3.331.200.000
		Chi phí lãi vay	999.026.945	316.666.667
		Vay từ công ty con	51.000.000.000	-
		Góp vốn bằng tiền	16.656.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2012 VND	2011 VND
		Tái đầu tư vào công ty con bằng cổ tức được chia	8.328.000.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	412.502.500	2.887.517.500
		Tiền thuê thu từ công ty con	501.704.000	612.705.454
		Mua hàng hóa từ công ty con	3.397.395.441	4.946.813.238
		Hoa hồng nhận từ công ty con	423.390.843	1.916.057.700
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	373.625.000	-
		Chi phí lãi vay	415.708.333	76.336.111
		Vay từ công ty con	7.500.000.000	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức	2.029.924.997	18.931.913.017
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa cho công ty con	27.890.000	30.950.000
		Cho công ty con vay	41.500.000.000	38.719.372.824
		Vay từ công ty con	-	5.000.000.000
		Vay từ Toyota Long Biên	2.000.000.000	14.143.500.000
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.407.378.032	372.289.491
		Lãi vay	2.328.333.334	1.245.789.491
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	2.006.816.000	1.996.140.000
		Vay từ công ty con	27.000.000.000	10.000.000.000
		Thu nhập lãi cho vay	3.038.861.111	238.433.335
		Chi phí lãi vay	3.178.894.861	-
		Tạm ứng cho công ty con	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Công ty con	Cổ tức	-	765.000.000
		Cho công ty con vay	3.500.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Công ty con	Cho công ty con vay Cổ tức Thu nhập lãi cho vay Góp vốn	5.000.000.000 183.600.000 166.111.111 1.530.000.000	- - - -
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	Công ty con	Cho công ty con vay Thu nhập lãi cho vay Góp vốn	1.000.000.000 79.522.222 765.000.000	- - -
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức Nhận chuyển nhượng vốn góp từ công ty liên kết Vay từ công ty liên kết Chi phí lãi vay	5.143.275.000 - 121.500.000.000 669.690.757	4.113.720.000 3.314.000.000 15.000.000.000 201.452.055
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	2.143.804.600	2.297.918.400
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	- 1.070.045.499	336.000.000 1.367.454.106
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức Tiền thuê thu từ công ty liên kết	906.075.000 -	1.127.560.000 333.447.292
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Công ty liên kết	Cổ tức	401.674.934	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

35. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	7.559.304.280	6.672.829.280
Từ hai đến năm năm	13.269.369.120	18.236.453.120
Trên năm năm	19.011.949.636	19.406.669.916
	39.840.623.036	44.315.952.315

36. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí mua hàng hóa	15.336.381.798	69.865.051.980
Chi phí nhân công và nhân viên	14.469.898.921	16.702.423.434
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.213.303.085	9.752.017.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.861.971.477	24.725.279.406
Các chi phí khác	13.078.242.036	7.270.357.392

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	31/12/2011 (Phân loại lại) VND	31/12/2011 (Theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu khác	59.809.395.493	98.528.768.317
Phải thu dài hạn khác	43.064.994.071	4.345.621.247
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	9.974.381.188	5.714.417.145
Chi phí phải trả	5.511.571.652	9.771.535.695

ngày 18 tháng 3 năm 2013

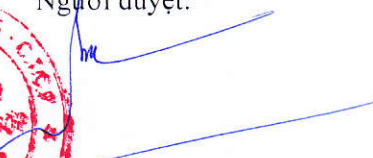
Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc